

Số/No: 754/2026/TB-SSIAM-NVQ

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
- Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUESSVFL
- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 05/08/2026
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF

Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volumn	Weighting
1	ACB	7,500	5.98%
2	BID	400	0.54%
3	CTG	2,000	2.26%
4	EIB	2,100	1.36%
5	HCM	1,000	0.89%
6	HDB	9,600	9.10%
7	MBB	11,700	10.13%
8	MSB	1,900	1.09%
9	NAB	100	0.04%
10	OCB	200	0.07%
11	SHB	19,500	8.17%
12	SSB	400	0.22%
13	SSI	7,900	6.88%
14	STB	4,600	12.10%
15	TCB	10,700	11.26%
16	TPB	1,700	0.88%
17	VCB	1,700	3.62%
18	VCI	1,300	1.01%
19	VIB	1,500	0.79%
20	VIX	11,000	5.43%
21	VND	2,000	1.20%
22	VPB	16,100	14.66%

I	Chứng khoán/Stock	2,751,890,000	97.68%
II	Tiền/Cash(VND)	65,295,240	2.32%
III	Tổng/Total (=I+II)	2,817,185,240	100%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	2,751,890,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND)	2,817,185,240
+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	65,295,240

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	HCM	25,100	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
2	SSI	24,550	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
3	VCI	21,850	VIETCAP	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
4	BID	38,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Article 28.4 a Circular 121/2020/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 05/08/2026	Kỳ trước/Last Period(**) 04/08/2026	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0.00	0.00	0.00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0.00	2.00	-2.00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	18,100,000.00	18,100,000.00	0.00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	28,160.00	28,300.00	-140.00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date	0.00	0.00	0.00
của quỹ ETF/ of the Fund	515,544,899,014.00	510,935,448,789.00	4,609,450,225.00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	2,817,185,240.00	2,791,996,987.00	25,188,253.00
của 1 CCQ/ per Share	28,171.85	27,919.96	251.89
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	2,728.56	2,739.08	-10.52

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 04/08/2026/ Indicator No. 5 uses the net asset value 04/08/2026.

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 03/08/2026/ Indicator No. 5 uses the net asset value 03/08/2026.

Đại diện tổ chức
Organization representative